

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 635/2025/DS-PT
Ngày: 26 - 11 - 2025
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 266/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1869/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thanh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 1 McBurney Road C, Australia, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 2000, (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978, (có mặt).

(Hợp đồng ủy quyền số 000602 ngày 25/7/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cùng địa chỉ: B P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1951, (có mặt).

Địa chỉ: B, ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố H (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953, (có mặt).

Địa chỉ: B, ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, (vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1988, (vắng mặt).
3. Trẻ Nguyễn Hồng N1, sinh năm 2008, (vắng mặt).
4. Trẻ Nguyễn Minh T1, sinh năm 2013, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: B, ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Bà Hồ Thanh P là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 001735, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00425/7013909 do Ủy ban huyện B cấp ngày 22/11/2006. Thửa đất có diện tích 790m², trong đó có 110,3m² đất ở nông thôn, còn lại là đất có mục đích sử dụng là đất trồng cây ăn quả lâu năm. Từ khi đi nước ngoài, bà Hồ Thanh P đã ủy quyền cho bà Nguyễn Kim H (mẹ ruột) quản lý, sử dụng thửa đất trên.

Vào ngày 23/12/2021, bà Nguyễn Kim H tiến hành rào đất lại, tuy nhiên bị ông Nguyễn Văn B là người ở căn nhà liền kề cản trở. Do đó bà H có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B đề nghị giải quyết.

Sau khi nhận đơn của bà Nguyễn Kim H, ngày 21/02/2022 đại diện Ủy ban xã Q cùng với T2 ấp 2 ra thực địa chứng kiến việc Công ty TNHH Đ đo đạc xác định ranh đất của bà Hồ Thanh P và ông Nguyễn Văn B. Bản vẽ sơ đồ nhà, đất số 00189/2022 ngày 15/2/2022 của Công ty Đ thể hiện ông Nguyễn Văn B đã xây dựng, lấn chiếm diện tích của bà Hồ Thanh Phương diện T3 56,2m² tại thửa đất số 510.

Do đó, bà Hồ Thanh P đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Văn B trả lại diện tích đất đã lấn, chiếm; đồng thời buộc tháo dỡ công trình ông B xây dựng lấn, chiếm để trả lại nguyên hiện trạng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN H00425/7013909 ngày 22/11/2006 cho bà Hồ Thanh P.

Quá trình giải quyết vụ án, Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở T4 đã có Bản vẽ

hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357/TTĐDBĐ-VPĐD (CS1) ngày 12/5/2023 thể hiện phần đất ông Nguyễn Văn B lấn, chiếm của bà Hồ Thanh P là 18,7m² thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 2005). Tại vị trí có ký hiệu là (6) và (7), nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn tháo dỡ phần diện tích xây dựng là 18,7m² đã lấn chiếm tại thửa đất 510.

Đối với phần diện tích 34,6m² thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu năm 2005) hiện tại là đất trống, bà P không sử dụng phần đất này, nguyên đơn chỉ sử dụng đúng diện tích được công nhận.

Bà P không yêu cầu nhận giá trị, cũng không đồng ý phương án thỏa thuận với ông B về việc chuyển nhượng phần diện tích lấn chiếm này. Phía nguyên đơn thống nhất với Chứng thư thẩm định giá số 01TA-HBC/03/24/CTM ngày 15/3/2024 của Công ty TNHH T5 và Giám định Chân Trời Mới, không yêu cầu thẩm định giá lại và chỉ đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, xây dựng mới là 71.218.377 đồng trong trường hợp bị đơn tự nguyện tháo dỡ.

Theo đơn yêu cầu phản tố, ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Nguyên, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34 (BĐDC), 44 (theo tài liệu 02), tờ bản đồ số 02: địa chỉ: B ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông B. Ông B đã sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay không có bất kỳ ai tranh chấp khiếu nại, ông cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Đến thời điểm hiện tại ông B chưa thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Năm 2022 bà Hồ Thanh P khởi kiện ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông B trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 56,2 m² thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ số 2, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Buộc tháo dỡ công trình ông B xây lấn, chiếm trên đất để trả lại nguyên trạng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00425/7013909 do Ủy ban huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà P ngày 22/11/2006.

Ông Ba K đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P vì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đo vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố T4 lập ngày 12/5/2023 thể hiện bà P lấn diện tích đất 34,6m² thuộc thửa đất số 34 (BĐDC), 44 (theo tài liệu 02), tờ bản đồ số 02; địa chỉ: B ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông B.

Vì vậy ông B có đơn phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc bà Hồ Thanh P trả lại phần đất chiếm với diện tích đất khoảng 34,6m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34 (BĐDC), tờ bản đồ số 02; địa chỉ: B ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông vì ông đã sử

dụng ổn định từ năm 1978 đến nay, nhưng ông không chỉ ra được chính xác phần diện tích đất 34,6m² nằm ở vị trí nào. Ông B yêu cầu bà P trả cho ông ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Liên quan đến chi phí gia cố, tháo dỡ và giá trị phần xây dựng mới là 71.218.377 đồng (theo Chứng thư thẩm định giá số 01TA-HBC/03/24/CTM ngày 15/3/2024 của Công ty TNHH T5 giá và Giám định Chân Trời Mới), ông B không có ý kiến. Ông Ba K đồng ý trả lại phần đất 18,7m² cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn V trình bày:

Thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Văn B, không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 266/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 37; Điều 189, khoản 4 Điều 91; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/BTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thanh P.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ba P1 tháo dỡ phần công trình xây dựng nhà lấn chiếm, trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 18,7m², thuộc thửa thửa 510, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 2005). Tại vị trí có ký hiệu là (6) và (7) theo Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (CS1), lập ngày 12/05/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở T4, theo Giấy chứng nhận số AH 001735, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00425/7013909 do Ủy ban huyện B cấp ngày 22/11/2006 cho bà Hồ Thanh P.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm là 34,6m², nhưng ông không chỉ ra được phần đất lấn chiếm ở vị trí nào.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Hồ Thanh P di dời hàng rào lưới B40 vào đúng ranh giấy chứng nhận trả lại diện tích 10,5m² đường đi vào nhà ông Nguyễn Văn B tại vị trí số (8), thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (CS1), lập ngày 12/05/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố T4.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/5/2025, ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Phần đất là của bị đơn, bà P tự ý làm thủ tục và lấn chiếm khi đo đất để chiếm đất của ông B. Ông Ba K đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Đất ông B ở liên tục mà không cấp giấy cho ông, việc cấp giấy cho bà P và đo đạc mà không hỏi ý kiến ông là không đúng, đất ông B ở không có ai tranh chấp hay ý kiến gì từ đó đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Hồ Thanh P có bà ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Kim H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đất ngày xưa ông B là người giới thiệu để mua, sau này ông B xây lấn ra, việc ông B trình bày là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới tại cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34 (BĐDC), 44 (theo tài liệu 02), tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: B ấp B, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông. Ông B đã sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay không có bất kỳ ai tranh chấp khiếu nại, ông cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông phải tháo dỡ công trình và trả lại phần đất có diện tích 18,7m² cho bà P. Ngoài ra, ông B yêu cầu bà P phải trả lại cho ông phần đất có diện tích khoảng 34,6m² thuộc thửa đất số 34 mà bà P đang lấn chiếm, sử dụng của ông.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 22/11/2006 Ủy ban huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 001735, số vào sổ H00425/7013909 công nhận bà Hồ Thanh P là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất có diện tích 790m².

Ông Nguyễn Văn B đang quản lý, sử dụng căn nhà mang số B ấp B, tổ C, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357 ngày 12/05/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố T4, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2024 thì phần công trình xây dựng nhà số B của ông B lấn vào ranh giấy chứng nhận của bà P tại vị trí ký hiệu (6), (7) có diện tích 18,7m².

Như vậy, có cơ sở xác định, ông B đã xây dựng công trình nhà lấn chiếm trên đất của bà P với diện tích là 18,7m². Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông Ba P1 tháo dỡ phần nhà xây dựng lấn chiếm và trả lại nguyên trạng đất có diện tích 18,7m² cho bà P là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của ông B về việc buộc bà P phải trả lại cho ông phần đất có diện tích khoảng 34,6m² thuộc thửa đất số 34 mà bà P đang lấn chiếm, sử dụng:

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Ba không xác định được chính xác phần đất có diện tích 34,6m² nằm ở vị trí nào; ông Ba chỉ nêu một cách chung chung rằng đó là phần đất có diện tích từ cột điện có nền xi măng là lối đi vào nhà ông vào 02 mét đất của bà P đã được cấp giấy chứng nhận.

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh ngày 12/5/2023 thể hiện có phần đất diện tích 34,6m² tại vị trí số (5) = 24,1m², vị trí số (8) = 10,5m². Theo Văn bản số 5131/UBND ngày 20/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B trả lời, thì phần diện tích 34,6m² tại hai vị trí số (5) và vị trí số (8) hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận cho ai.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày lập ngày 13/12/2024 thể hiện vị trí số (5) là phần đất trống, giáp phía trước đất của bà P và giáp phía sau tường nhà ông B, phần đất này bà P không rào chắn và cũng không sử dụng. Do đó, không có cơ sở xác định bà P lấn chiếm đất của ông B tại vị trí số (5).

Riêng phần đất tại vị trí số (8) giáp ranh với hẻm xi măng, có hiện trạng là hàng rào lưới B40 do bà P rào, nằm ngoài ranh giấy chứng nhận đã cấp cho bà P. Bà P đã tự nguyện di dời hàng rào lưới B40 vào đúng ranh giấy chứng nhận bà P được cấp, trả lại diện tích 10,5m² đường đi vào nhà ông B. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ghi nhận trong quyết định của bản án.

Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B về việc buộc bà P phải trả lại cho ông phần đất 34,6m².

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ba không phải nộp do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 266/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thanh P.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ba P1 tháo dỡ phần công trình xây dựng nhà lấn chiếm, trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 18,7m², thuộc thửa thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 2005). Tại vị trí có ký hiệu là (6) và (7) theo Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (CS1), lập ngày 12/05/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở T4, theo Giấy chứng nhận số AH 001735, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00425/7013909 do Ủy ban huyện B cấp ngày 22/11/2006 cho bà Hồ Thanh P.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm là 34,6m², nhưng ông không chỉ ra được phần đất lấn chiếm ở vị trí nào.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Hồ Thanh P di dời hàng rào lưới B40 vào đúng ranh giấy chứng nhận trả lại diện tích 10,5m² đường đi vào nhà ông Nguyễn Văn B tại vị trí số (8), thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 02, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh số 15357/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (CS1), lập ngày 12/05/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố T4.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự.

Buộc ông Nguyễn Văn B P1 thanh toán 1/2 chi phí tố tụng cho nguyên đơn bà Hồ Thanh P, số tiền là 13.409.089 (Mười ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn không trăm tám mươi chín) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

H2 lại số tiền tạm ứng án phí 1.405.000 (Một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng mà nguyên đơn Hồ Thanh P đã nộp theo biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0041711 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- THADS TP Hồ Chí Minh (1);
- Dương sự (6);
- Lưu VP(6), HS(2), 19b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh